

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

MA SO: 7.48.02.01

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT (Số TT học phần trước)/ CHÚCHÚ
				Lý thuyết	Thảo luận +			Thí nghiệm	Thực hành		
	HỌC KỲ 1										
1	Kỹ năng mềm	QLY17.2	2	24	12					60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F1	MLN01.2	2	21	18					60	
3	Đại số tuyến tính	DSO02.3	3	30	30					90	
4	Giải tích 1	GIT01.3	3	30	30					90	
5	Tin học đại cương	CPM01.3	3	30	15				15	90	
6	Giáo dục thể chất F1	GDT01.1	1						30	30	
	Cộng		14								
	HỌC KỲ 2										
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin F2	MLN02.3	3	32	26					90	
8	Vật lý điện từ	VLY01.3	3	30	15			15		90	
9	Giải tích 2	GIT02.3	3	30	30					90	
10	Giáo dục QP-AN F1	GQP201.3	3	45						90	
11	Giáo dục QP-AN F2	GQP202.2	2	30						60	
12	Giáo dục QP-AN F3	GQP203.3	3	45					30	90	
13	Lập trình nâng cao	CPM215.3	3	30	15		10		15	90	5
15	Giáo dục thể chất F2	GDT02.1	1						30	30	
	Cộng		21								
	HỌC KỲ 3										
	Chọn 1 trong 2 học phần										
14	a- Giải tích số	KHM01.2	2	15	15				15	60	3,4,5
	b- Bảo trì hệ thống	MHT03.2	2	15	15				15	60	
16	Thiết kế Web	MHT36.3	3	30	15		10		15	90	
17	Toán rời rạc	KHM04.3	3	30	30					90	5
18	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	KHM05.3	3	30	15		10		15	90	5
19	Kiến trúc và tổ chức máy tính	MHT02.3	3	30	15				15	90	
20	Lập trình hướng đối tượng	CPM04.3	3	30	15		10		15	90	13
21	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM01.2	2	21	18					60	
22	Giáo dục thể chất F3	GDT03.1	1						30	30	
	Cộng		20								
	HỌC KỲ 4										
24	Xác suất thống kê	DSO04.2	2	24	12					60	
25	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	DCS01.3	3	32	26					90	
26	Hệ điều hành	MHT04.3	3	30	30					90	
27	Công nghệ Java	CPM05.3	3	30	15		10		15	90	
28	Cơ sở dữ liệu	MHT05.3	3	30	30		10			90	
29	Phân tích thiết kế thuật toán	KHM08.3	3	30	15				15	90	5,18
30	Giáo dục thể chất F4	GDT04.1	1						30	30	
	Cộng		18								

	HỌC KỲ 5											
31	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Chương trình dịch	KHM13.3	3	30	15				15	90	5,18	
	b- Thuật toán và ứng dụng	KHM21.3	3	30	15				15	90	5	
32	Lập trình trực quan	CPM211.3	3	30	15		10		15	90	5	
33	Mạng máy tính	MHT06.3	3	30	15				15	90		
34	Phân tích thiết kế hệ thống	CPM06.3	3	30	15		10		15	90		
35	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Thiết kế cơ sở dữ liệu	MHT09.2	2	15	15		10		15	60	28	
	b- Hệ điều hành Unix	MHT10.2	2	15			10		30	60		
36	Chọn 1 trong 3 học phần											
	a- Tiếng Anh B1	ANHB1.4	4	45	30							
	b- Tiếng Pháp B1	PHAPB1.4	4	45	30							
	c- Tiếng Nga B1	NGAB1.4	4	45	30							
	Cộng		18									
	HỌC KỲ 6											
37	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Lý thuyết trò chơi và ứng dụng	KHM20.3	3	30	15				15	90		
	b- Lập trình mạng	MHT22.3	3	30	15				15	90	5	
38	Lập trình Web	MHT208.3	3	30	15		10		15	90		
39	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Công nghệ phần mềm	CPM08.3	3	30	15		10		15	90		
	b- Lập trình sử dụng API	CPM212.3	3	30	15		10		15	90		
40	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Lập trình thiết bị di động	MHT234.3	3	30	15		10		15	90	5	
	b- Thực hành mạng	MHT21.3	3	15	15		10		45	90	33	
41	An toàn và bảo mật thông tin	KHM07.3	3	30	15				15	90		
42	Thực tập chuyên môn	CNT301.3	3						90	60		
43	Ngoại ngữ chuyên ngành											
	a- Tiếng Anh	ANHCNTT.3	3	30	30					90	Chọn 1 trong 3 môn	
	b- Tiếng Pháp	PKTh.3	3	30	30					90		
	c- Tiếng Nga	NGACNTT.3	3	30	30					90		
	Cộng		21									
	HỌC KỲ 7											
44	Trí tuệ nhân tạo	MHT07.3	3	30	30					90	18	
45	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Hệ thống tin địa lý	MHT18.3	3	30	15		10		15	90		
	b- Khai phá dữ liệu	MHT12.3	3	30	30		10			90		
46	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Phân tích thiết kế hướng đối tượng	CPM07.3	3	30	15		10		15	90	20	
	b- Xử lý ảnh	CPM223.3	3	30	15		10		15	90	18	
47	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Quản trị mạng	MHT15.3	3	24	12				30	90	33	
	b- An ninh mạng	MHT235.3	3	24	12				30	90	33	
48	Chọn 1 trong 2 học phần											
	a- Công nghệ Oracle	KHM14.3	3	30			10		30	90		
	b- Đặc tả phần mềm	KHM10.3	3	30	15		10		15	90		
49	Chọn 1 trong 5 học phần											
	a- Chuyên đề công nghệ phần mềm	CPM10.3	3	30	15				15	90		
	b- Chuyên đề Hệ thống thông tin	MHT16.3	3	30	15				15	90		
	c- Chuyên đề Mạng máy tính	MHT23.3	3	30	15				15	90		
	d- Chuyên đề Khoa học máy tính	KHM219.3	3	30	15				15	90		
	e- Chuyên đề Công nghệ thông tin	CNT02.3	3	30	15				15	90		
	Cộng		18									
	HỌC KỲ 8											
50	Thực tập tốt nghiệp	CNT03.2	2						60	60		
51	Đồ án tốt nghiệp	CNT04.10	10						300	300		
	Cộng		12									
	Tổng cộng số tín chỉ		142									